

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và bà Ngô Thị Thom.

- Th ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Th ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy -Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Th**, sinh năm 1990.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Tr, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: 92-1 S, M, I, G, Hàn Quốc. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Công Đ**, sinh năm 1984.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Làng Như, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. Người được chị Th ủy quyền về việc giao nhận các văn bản của Tòa án:
Bà Nguyễn Thị Thúy, sinh năm 1962.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Tr, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Công Đ kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương, ngày 31/8/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh Đ nhưng cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Đ không chịu làm ăn kinh tế, mỗi lần uống rượu say anh Đ Thường đánh chị. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên chị về nhà bố mẹ đẻ ở thì anh Đ đến đón chị về để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Bản thân chị đã cho anh Đ nhiều cơ hội nhưng anh Đ vẫn không thay đổi, có lần chị đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho ly hôn, sau đó chị lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Chị và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 7/2017, đến năm 2019 chị đi nước ngoài lao động. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Phạm Công Th - sinh ngày 28/10/2009 và Phạm Công Đ - sinh ngày 30/01/2012. Hiện đang ở với anh Đ. Hiện chị đang ở nước ngoài nên chị đề nghị giao hai con chung cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai của anh Phạm Công Đ trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chị Th đã trình bày. Bản thân anh muốn chị Th ở nhà làm ăn kinh tế cùng nuôi dạy con cái nhưng chị Th vẫn cương quyết đi nước ngoài. Từ khi đi nước ngoài đến nay, chị Th không liên lạc và không quan tâm gì đến anh mà chỉ gọi điện cho các con. Nay chị Th có đơn xin ly hôn, anh cũng nhất trí vì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung vợ chồng anh có hai con như chị Th trình bày, khi ly hôn anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung nếu các con có nguyện vọng ở với anh và tự nguyện không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng cho con. Còn việc chị Th có quan điểm tự nguyện cấp dưỡng nuôi con thì do các con chung quyết định.

Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Khoảng năm 2018, chị Th và anh có vay khoản tiền 700.000.000 đồng để lo cho chị Th đi nước ngoài, chị Th đã gửi tiền về trả được 400.000.000 đồng. Đối với số nợ còn lại, anh Đ yêu cầu chị Th gửi trả nốt để anh sẽ nuôi dưỡng hai con.

Con chung Phạm Công Th và Phạm Công Đ đều có nguyện vọng được ở với bố là Phạm Công Đ.

Theo biên bản xác minh tại UBND xã B thể hiện: Chị Th và anh Đ thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó chị Th đi nước ngoài khiến vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống. Bản thân anh Đ chịu khó làm ăn, nuôi con, chị Th không có sự đồng cảm với gia đình nên mâu thuẫn càng căng thẳng. Nay chị Th có đơn ly hôn anh Đ, địa phương có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa. Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị giữ nguyên đối với yêu cầu khởi kiện.

Anh Đ trình bày: Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị Th. Chị Th nói về mâu thuẫn từ năm 2017 là không đúng vì vợ chồng vẫn hạnh phúc đến năm 2019 và anh vẫn tiễn chị Th lên sân bay để đi nước ngoài. Về con chung anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung nếu con chung muốn ở với anh và tự nguyện không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con, anh không nhất trí nhận tiền cấp dưỡng cho con do chị Th đóng góp. Về tài sản chung anh không đề nghị Tòa án giải quyết, về nợ chung anh Đ không cung cấp chứng cứ chứng minh các khoản nợ chung, số tiền nợ, người cho vay nợ vì đa số những người cho vay tiền là người thân nên không có giấy tờ, tài liệu gì thể hiện khoản vay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:Thẩm phán, Th ký, Hội đồng xét xử (HĐXX), các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HN&GD, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Th ly hôn anh Phạm Công Đ; Về quan hệ nuôi con: Giao cho anh Phạm Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Công Th - sinh ngày 28/10/2009 và Phạm Công Đ - sinh ngày 30/01/2012. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th cấp dưỡng cho mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị Hoàng Thị Th phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Th hiện đang lao động tại Hàn Quốc, còn bị đơn anh Phạm Công Đ đang sinh sống tại xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th đã gửi đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt...đều có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Tại phiên tòa, chị Th vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Th và anh Phạm Công Đ kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương, ngày 31/8/2008 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Th, anh Đ chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống gia đình không có sự đồng cảm, chia sẻ với nhau, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu. Năm 2019 chị Th đi nước ngoài lao động và vợ chồng không còn quan tâm tới nhau. Bản thân anh Đ xác định vợ chồng không còn tình cảm và nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự, đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi các đương sự sinh sống. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Th ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Hoàng Thị Th và anh Phạm Công Đ có hai con chung là Phạm Công Th - sinh ngày 28/10/2009 và Phạm Công Đ - sinh ngày 30/01/2012 hiện đang ở với anh Đ. Chị Th đang sinh sống, lao động ở lao động ở nước ngoài nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con, chị Th nhất trí để anh Đ trực tiếp nuôi cả hai con chung. Anh Đ có sức khỏe, chỗ ăn ở, công việc và thu nhập ổn định và có nguyện vọng nuôi cả hai con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, HĐXX cần giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cả con chung là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các con chung. Về cấp dưỡng cho con: Mặc dù anh Đ không đề nghị chị Th cấp dưỡng cho con, các con chung của anh Đ, chị Th cũng không đề nghị chị Th phải cấp dưỡng, tuy nhiên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên HĐXX cần chấp nhận sự tự nguyện của chị Th cấp dưỡng cho con là 2.000.000đ/1 con/1 tháng x 02 con = 4.000.000đ/tháng. Như vậy là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu chị Th có căn cứ cho rằng anh Đ không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Th, anh Đ không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Trong vụ án này, anh Đ cho rằng vợ chồng còn nợ số tiền 700.000.000đ là chi phí lo cho chị Th đi nước ngoài, chị Th đã gửi về 400.000.000đ để trả nợ, còn thiếu 300.000.000đ. Anh Đ đề nghị chị Th giải quyết dứt điểm số nợ. Tòa án đã yêu cầu anh Đ làm thủ tục đề nghị Tòa án giải quyết về các khoản nợ và cung cấp chứng cứ chứng minh các khoản nợ, cụ thể số tiền nợ, tên tuổi, địa chỉ những người cho vay nợ kèm theo đơn khởi kiện nhưng anh Đ không thực hiện. Tại phiên tòa anh Đ cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh các khoản nợ chung. Do vậy, Tòa án không có căn cứ thụ lý, giải quyết yêu cầu của anh Đ. Sau này các đương sự có đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn (nếu có) thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Như vậy, quyền và nghĩa vụ của các đương sự về tài sản vẫn được đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình), và tiền án phí cấp dưỡng, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Hoàng Thị Th** ly hôn anh **Phạm Công Đ.**

2. Về quan hệ nuôi con: Giao cho anh Phạm Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là Phạm Công Th - sinh ngày 28/10/2009 và Phạm Công Đ - sinh ngày 30/01/2012.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị Th cấp dưỡng cho con chung Phạm Công Th số tiền là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng) và con chung Phạm Công Đ số tiền 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng cho cả hai con tính từ tháng 8/2022 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Không ai được cản trở chị Hoàng Thị Th thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị Thúy đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004956 ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Chị Hoàng Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng cho con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân